

**CÔNG TY TNHH T&R BRK**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH T&R BRK

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: T&R BRK COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2301185358

**3. Ngày thành lập:** 13/09/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn Tử Nê, Xã Minh Đạo, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0986.683.558

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 2592        |
| 2.  | Sản xuất linh kiện điện tử                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 2610(Chính) |
| 3.  | Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 2822        |
| 4.  | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 3312        |
| 5.  | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 3314        |
| 6.  | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 3320        |
| 7.  | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4311        |
| 8.  | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4312        |
| 9.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4321        |
| 10. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>- Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không phải hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí hoặc máy công nghiệp trong các công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng, bao gồm cả bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thiết bị này;<br>- Lắp đặt hệ thống thiết bị, máy công nghiệp trong các công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng như: + Thang máy, cầu thang tự động, + Các loại cửa tự động, + Hệ thống đèn chiếu sáng, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh;<br>Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí -Lắp đặt hệ thống camera giám sát; | 4329        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 11. | <p>Hoàn thiện công trình xây dựng</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lắp đặt thiết bị nội thất,</li> <li>-Hoạt động hoàn thiện bên trong công trình như: Làm trần, ốp gỗ tường, hoặc vách ngăn di chuyển được...</li> <li>-Xếp, lợp, treo hoặc lắp đặt trong các toà nhà hoặc các công trình khác như:</li> <li>-Lát sàn hoặc tường bằng gạch, bê tông, đá xẻ, gạch gốm,</li> <li>- Lót ván sàn và các loại phủ sàn bằng gỗ khác,</li> <li>- Thảm và tấm phủ sơn lót sàn, bao gồm bằng cao su và nhựa,</li> <li>-Lát sàn hoặc ốp tường bằng gạch không nung, đá hoa, đá hoa cương (granit), đá phiến...</li> <li>-Giấy dán tường,</li> <li>-Sơn bên ngoài và bên trong công trình nhà,</li> <li>-Sơn các kết cấu công trình dân dụng,</li> <li>-Lắp gương, kính,</li> <li>-Làm sạch các toà nhà mới sau xây dựng,</li> <li>-Các công việc hoàn thiện nhà khác,</li> <li>-Lắp đặt nội thất các cửa hàng, nhà di động, thuyền...</li> </ul> | 4330 |
| 12. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4322 |
| 13. | Bán buôn thực phẩm<br>Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4632 |
| 14. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4651 |
| 15. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4652 |
| 16. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4659 |
| 17. | <p>Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến;</li> <li>- Bán buôn xi măng</li> <li>- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi;</li> <li>- Bán buôn kính xây dựng;</li> <li>- Bán buôn sơn, véc ni;</li> <li>- Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh;</li> <li>-Bán buôn đồ ngũ kim;</li> <li>- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4663 |
| 18. | <p>Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu</p> <p>Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4669 |
| 19. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4690 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 20. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm trong các cửa hàng chuyên doanh;                                                                                                                                                      | 4741 |
| 21. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                       | 4752 |
| 22. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4932 |
| 23. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4933 |
| 24. | Bốc xếp hàng hóa<br>- Bốc xếp hàng hóa đường bộ; - Bốc xếp hàng hóa loại khác                                                                                                                                                                                                                                                                     | 5224 |
| 25. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 5629 |
| 26. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 5630 |
| 27. | Cho thuê xe có động cơ<br>- Cho thuê ô tô                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 7710 |
| 28. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>- Hoạt động trang trí nội thất.                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7410 |
| 29. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>- Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển;- Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển;- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển chưa được phân vào đâu; | 7730 |
| 30. | Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 7740 |
| 31. | Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình<br>- Tủ lạnh, lò nấu, lò nướng, máy giặt, máy vắt, máy sấy quần áo, điều hòa nhiệt độ...                                                                                                                                                                                                                      | 9522 |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

## 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên    | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức    | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN THỊ VÂN AN | Việt Nam  | Khu Tiên Xá, Phường Hạp Lĩnh, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam | 1.000.000.000         | 50,000    | 020189002220                                                                                            |         |
| 2   | NGUYỄN DOÃN QUỲNH | Việt Nam  | Khu Tiên Xá, Phường Hạp Lĩnh, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam | 1.000.000.000         | 50,000    | 027085005184                                                                                            |         |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

Thời gian đăng từ ngày 13/09/2021 đến ngày 13/10/2021

\* Họ và tên: NGUYỄN DOÃN QUỲNH

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *24/07/1985*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *027085005184*

Ngày cấp: *10/05/2021*

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Khu Tiên Xá, Phường Hạp Lĩnh, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Khu Tiên Xá, Phường Hạp Lĩnh, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** *Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Ninh*